

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../ 20...

Class: GOLD A2+

Tel: 038 255 2594

GOLD EXPERIENCE A2+: UNIT 1 - THERE'S NO PLACE LIKE HOME

VOCABULARY REVISION

A. VOCABULARY:

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	attractive (adj) /ə'træktɪv/	hấp dẫn, cuốn hút	26	resident (n) /'rezɪdənt/	người dân, cư dân
2	dull (adj) /dʌl/	ảm đạm, tẻ nhạt	27	art gallery (n) /'ɑ:t gæləri/	phòng trưng bày nghệ thuật
3	industrial (adj) /ɪn'dʌstriəl/	(thuộc) công nghiệp	28	bike rack (n) /ræk/	giá để xe đạp (nơi đỗ xe đạp)
4	lively (adj) /'laɪvli/	sống động	29	bus stop (n) /'bʌs stɒp/	điểm dừng xe buýt
5	modern (adj) /'mɒdn/	hiện đại	30	crossing (n) /'krɒsɪŋ/	vạch kẻ đường, ngã tư
6	relaxed (adj) /rɪ'læksd/	thư giãn	31	department store (n) /dɪ'pɑ:tmənt stɔ:(r)/	cửa hàng bách hóa
7	traditional (adj) /trə'dɪʃənəl/	(thuộc) truyền thống	32	pavement (n) /'peɪvmənt/	via hè
8	apartment block (n) /ə'pɑ:tmənt blɒk/	dãy nhà, khối căn hộ	33	rubbish bin (n) /'rʌbɪʃ/	thùng rác
9	scheme (n) /ski:m/	sự phối hợp	34	varied (adj) /'veəriəd/	đa dạng
10	in spite of (pre) /spaɪt/	mặc dù	35	wag (v) /wæg/	vẫy, lắc
11	by the sea/water /si:/	gần biển/nước	36	open (adj) /'əʊpən/	cởi mở
12	in an area/ a region called /'eəriə/ - /'ri:dʒən/	trong một khu vực/ một vùng được gọi là	37	be the best at sth /best/	giỏi nhất về

13	in the capital /'kæpɪtl/	ở thủ đô	38	concrete (n) /'kɒŋkri:t/	bê-tông
14	in the North/South/ West/East /nɔ:θ/ /saʊθ/ /west/ /i:st/	ở hướng Bắc/Nam/ Tây/Đông	39	cycle path (n) /'saɪkl pa:θ/	lối đi dành cho xe đạp
15	near the border with /'bɔ:də(r)/	gần biên giới với	40	give up (phr.v) /gɪv/	từ bỏ
16	on the coast /kəʊst/	trên bờ biển	41	grow up (phr.v) /grəʊ/	lớn lên
17	at the back /bæk/	ở phía sau	42	made of wood /wʊd/	làm từ gỗ
18	at the front /frʌnt/	ở phía trước	43	meet up (phr.v) /mi:t/	gặp gỡ
19	community (n) /kə'mju:nəti/	cộng đồng	44	pass the time (idm) /pɑ:s/	giết thời gian
20	freeze (v) /fri:z/	đóng băng	45	on the right /raɪt/	phía bên phải
21	hang out (phr.v) /hæŋ/	đi chơi	46	on the left /left/	phía bên trái
22	pressure (n) /'preʃə(r)/	áp lực	47	pipeline (n) /'paɪpləɪn/	đường ống
23	metal (n) /'metl/	kim loại	48	violence (n) /'vaɪələns/	bạo lực
24	cement (n) /sɪ'ment/	xi măng	49	to be constructed /kən'strʌktɪd/	được xây dựng
25	exceptionally (adv) /ɪk'sepʃənəli/	đặc biệt, khác biệt	50	skate park (n) /'skeɪt pɑ:k/	công viên trượt ván

***Note:** *n = noun: Danh từ; adj = adjective: Tính từ; adv = adverb: Trạng từ;*

v = verb: Động từ; prep = preposition: Giới từ; idm = Idiom: Thành ngữ;

phr.v = phrasal verb: Cụm động từ

***Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

B. HOMEWORK:

I. Choose the correct option.

0. That table is _____ of wood.

- ☒ A. made B. given C. done

1. His latest film was just _____. I left after the first hour!

- A. attractive B. dull C. industrial

2. The gallery has regular exhibitions of _____ art.

- A. relaxed B. industrial C. modern

3. Schools must try to make science more _____ to youngsters (những bạn trẻ).

- A. attractive B. dull C. modern

4. The fund provides money to clean up chemically polluted _____ sites.

- A. traditional B. industrial C. modern

5. Their children have all _____ and left home now.

- A. given up B. frozen C. grown up

II. Underline the correct answer.

0. The cold weather has frozen / hung out the ground.

1. Rose grew up in Paris, the **border** / **capital** of France.

2. We stayed in a small Bulgarian village that was near the **region** / **border** with Romania.

3. I'd love to live in a mansion by the **sea** / **south**.

4. My uncle lives in **an area** / **a coast** called The Gatineau Hills, Canada.

5. The Amish is a religious **concrete** / **community** that lives in the USA and Canada.

6. If there are people walking on the **bus stop** / **cycle path**, ring your bell to get their attention.

7. Why don't we **meet up** / **pass the time** for a coffee?

III. Match the words in the box with their definitions.

<i>bus-stop</i>	rubbish bin	bike rack	art gallery
apartment block	department store	pavement	crossing

A	B
0. <u>bus stop</u>	<i>This is a place at the side of a road that is marked with a sign, where buses stop.</i>
1. _____	This is a flat part at the side of a road for people to walk on.
2. _____	This is an object in which you can put an empty packet.
3. _____	This is a place where you can see paintings.
4. _____	This is a place where you can choose things to buy.
5. _____	This is a row of frames where bicycles can be left.
6. _____	This is a place where people live.
7. _____	This is a place where you can safely cross a road, a river, etc.

IV. Match 1-6 with A-H to make sentences. You do not need two of the endings.

0. ~~Stephen lives in~~

- I'm quite good at the piano but I always feel under
- I walked to school after waiting at the bus
- There aren't many places where I can hang
- In this photo, I'm standing on
- You can't see me in the photo because I'm at

- pressure just before I take an exam.
- the left, next to Christine.
- the back of the group.
- the border into another country.
- out with my friends after school.
- ~~the north of Norway.~~
- station isn't very near here.
- stop for thirty minutes in the rain.

Answers:

<u>0 - F</u>	1 -	2 -	3 -	4 -	5 -
--------------	-----	-----	-----	-----	-----

PART 1

Key for schools 1-A2 – T1 – P1



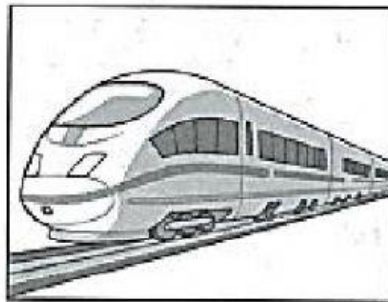
QUESTIONS 1–5

For each question, choose the correct answer.

1 How did Stan and his dad get home from the concert?



A

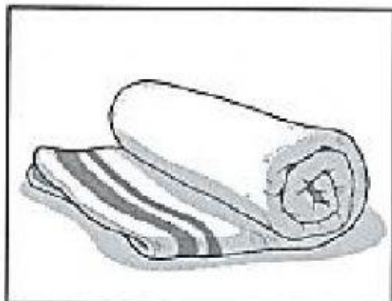


B



C

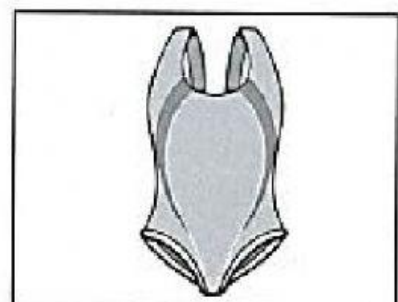
2 What's the girl forgotten?



A



B



C

3 What will the boy do first after he gets home from school?



A



B

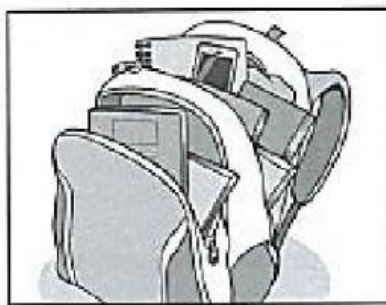


C

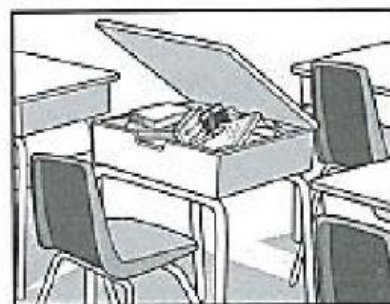
4 Where did the girl find her phone?



A

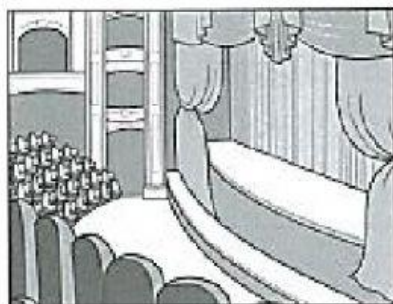


B

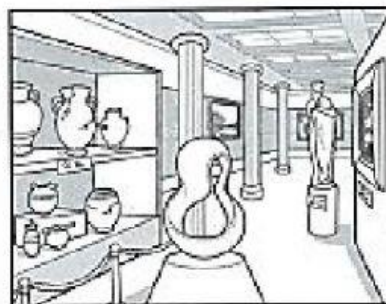


C

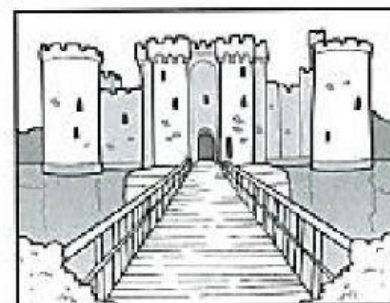
5 Where are the two friends going to go first today?



A



B



C